

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính Phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải nguồn nước sông, hồ;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 3074/2013/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 của UBND tỉnh Quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Bệnh viện Đa Khoa huyện Hậu Lộc ngày 18/6/2020 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá tại Tờ trình số 689/TTr- STNMT ngày 21/7/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Bệnh viện Đa Khoa huyện Hậu Lộc được phép xả nước thải từ hoạt động của Bệnh viện.

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Sông Trà Giang

2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí công trình thu gom, xử lý nước thải của Bệnh viện Đa Khoa huyện Hậu Lộc đặt trên diện tích khu đất của Bệnh viện.

- Vị trí xả nước thải:

+ Tọa độ vị trí xả nước thải ra mương thu gom chung của khu vực (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105, múi chiều 3⁰):

X= 2203359 (m) ; Y= 0592556 (m)

+ Tọa độ vị trí cửa xả nước thải ra Sông Trà Giang (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105, múi chiều 3⁰):

X= 2203324 (m); Y= 592801 (m)

3. Lưu lượng xả nước thải:

+ Lưu lượng xả nước thải trung bình: 105 m³/ngày đêm

+ Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 131 m³/ngày đêm.

4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy

5. Chế độ xả nước thải: 24h/ngày

6. Giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải:

Giá trị thông số các chất ô nhiễm có trong nước thải của đơn vị được phép xả vào nguồn nước tiếp nhận không vượt quá giá trị quy định tại QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, hệ số K=1,2), cụ thể:

TT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 28: 2010/BTNMT (cột B, K=1,2)	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)
1	pH	-	6,5-8,5	
2	BOD ₅	mg/l		50
3	COD	mg/l	120	-
4	TSS	mg/l	120	
5	Phosphat	mg/l		10
6	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l		4,0
7	NH ₄ ⁺ theo N	mg/l		10
8	NO ₃ ⁻ theo N	mg/l		50
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l		20
10	Coliform	MPN/100 ml		5000
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH	-
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH	-
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH	-

7. Thời hạn của giấy phép: 5 năm (năm năm), kể từ ngày ký giấy phép.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Bệnh viện Đa Khoa huyện Hậu Lộc:

1. Thực hiện đúng quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu có thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản;

2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012.

3. Thực hiện quan trắc nước thải và nguồn tiếp nhận như sau:

+ Quan trắc nước thải: Quan trắc liên tục lưu lượng nước thải qua đồng hồ đo lưu lượng tại vị trí xả nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận; quan trắc định kỳ lưu lượng, chất lượng nước thải sau xử lý tại vị trí cửa xả tần suất quan trắc ba (03) tháng/lần với các thông số quan trắc quy định Bảng nêu trên.

+ Quan trắc nguồn nước tiếp nhận: hai (02) vị trí tại Sông Trà Giang (về phía thượng nguồn 50m và hạ nguồn 50m so với vị trí tiếp nhận nước thải từ Bệnh viện; thông số quan trắc theo QCVN 08- MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (Cột B1); tần suất quan trắc sáu (06) tháng/lần.

+ Lập sổ theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận.

4. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý:

+ Thực hiện thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng thiết kế xây dựng, theo đúng công nghệ của hệ thống xử lý nước thải như đã trình bày, cam kết trong hồ sơ đề nghị cấp phép, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Bảng nêu trên trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận.

+ Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt theo quy định tại Bảng nêu trên phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước và môi trường các cấp; nếu có sự cố bất thường liên quan đến việc xả nước thải phải ngừng ngay xả thải. Báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá, chính quyền địa phương để có biện pháp xử lý.

6. Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hậu Lộc (qua phòng Tài nguyên và Môi trường) về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xả nước thải, các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nguồn nước tiếp nhận.

Điều 3. Bệnh viện Đa Khoa huyện Hậu Lộc được hưởng các quyền lợi hợp pháp và có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 38 Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Bệnh viện Đa Khoa huyện Hậu Lộc còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bệnh viện Đa khoa Hậu Lộc;
- Cục Quản lý TNN-Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (10 bản);
- UBND huyện Hậu Lộc;
- Lưu: VT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền